

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 504/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 08 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị huyện Văn Giang  
giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy  
ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ  
quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng  
Chính phủ Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai  
đoạn 2012-2020;

Căn cứ Quyết định số 2111/QĐ-TTg ngày 28/11/2011 của Thủ tướng  
Chính phủ phê duyệt Đề án quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên  
đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 hướng dẫn lập,  
thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của UBND tỉnh  
phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, định hướng  
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 của UBND tỉnh  
phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2015-2020,  
định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh  
ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên giai  
đoạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 của UBND tỉnh  
Hưng Yên về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Giang đến  
năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh  
Hưng Yên về việc phê duyệt đề cương Chương trình phát triển đô thị huyện Văn  
Giang giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 897-TB/TU ngày 25/10/2017 của Tỉnh ủy Hưng Yên về việc thông báo ý kiến của ban thường vụ tỉnh ủy Chương trình phát triển đô thị huyện Văn Giang giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030.

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 173/TTr-SXD ngày 11/12/2017,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị huyện Văn Giang giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên Dự án:** Chương trình phát triển đô thị huyện Văn Giang, giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030.

**2. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang.

### **3. Phạm vi nghiên cứu lập chương trình**

Gồm toàn bộ địa giới hành chính của huyện Văn Giang với diện tích 7.180,88 ha, cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Phía Nam Giáp huyện Khoái Châu và huyện Yên Mỹ

Phía Đông giáp huyện Văn Lâm

Phía Tây giáp sông Hồng

### **4. Quan điểm và mục tiêu chương trình**

Phát triển huyện Văn Giang trở thành trọng điểm kinh tế của tỉnh Hưng Yên là đô thị đa ngành, đa lĩnh vực: Thương mại Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp, đầu mối giao thông của vùng thủ đô Hà Nội. Tập trung phát triển lĩnh vực thương mại, dịch vụ du lịch, giáo dục đào tạo nghiên cứu khoa học kỹ thuật, nhà ở sinh thái. Mục tiêu xây dựng huyện Văn Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2020.

Giai đoạn 1 (2017-2020): Tập trung phát triển hệ thống hạ tầng khung và các khu chức năng có tính động lực của đô thị như: Các tuyến giao thông chính, khu vực trung tâm, các dự án phát triển đô thị đang được thực hiện, khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên tạo nền tảng sinh thái cho đô thị; Khuyến khích, phát triển cơ sở kinh tế động lực; xây dựng xã Mỹ Sủ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; khu vực huyện Văn Giang đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

Giai đoạn 2 (2021-2030): Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ cơ sở hạ tầng toàn huyện đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại III; thành lập thị xã Văn Giang.

Việc phát triển đô thị cần hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường kinh tế, xã hội và môi trường tự nhiên của huyện, sẵn sàng tiếp nhận những dự án đầu tư có tính động lực cho phát triển đô thị và toàn huyện. Chú trọng huy

động nguồn lực đầu tư phát triển đô thị trên địa bàn huyện Văn Giang, đảm bảo nâng cao chất lượng, diện mạo, kiến trúc cảnh quan đô thị hiện đại, văn minh, bền vững và giữ gìn bản sắc văn hóa.

### **5. Thực trạng phát triển đô thị huyện Văn Giang**

Trên cơ sở thực trạng phát triển đô thị của huyện, lập hệ thống số liệu theo yêu cầu phân loại đô thị; đối chiếu so sánh với các chỉ tiêu quy định của đô thị loại IV, V tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị.

Việc đánh giá, xếp loại đô thị có được thực hiện theo phương pháp tính điểm. Tùy theo mức độ và tầm quan trọng khác nhau, các tiêu chuẩn phân loại đô thị được xác định một tỷ trọng tương ứng với số điểm để đánh giá, xếp loại đô thị. Từng tiêu chuẩn trong mỗi tiêu chí được tính điểm theo phương pháp nội suy trong khoảng giữa mức quy định tối đa và tối thiểu. Không tính ngoại suy khi vượt quá mức quy định tối đa và tính điểm 0 cho các tiêu chuẩn không đạt mức quy định tối thiểu.

Kết quả đánh giá, tính điểm đô thị khu vực huyện Văn Giang đạt được 69,17 điểm, thấp hơn mức tối thiểu qui định 5,83 điểm. Đối chiếu với các tiêu chuẩn tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị: Trong 59 tiêu chuẩn, đánh giá tính điểm có:

+ 24 tiêu chuẩn đạt ngưỡng tối đa gồm: các chỉ tiêu về vị trí, tính chất, trình độ phát triển kinh tế xã hội, quy mô dân số, mật độ dân số, đất công cộng, y tế, thương mại dịch vụ, diện tích giao thông.

+ 5 tiêu chuẩn đạt mức khá gồm: chỉ tiêu về thu nhập bình quân đầu người, diện tích sàn nhà ở, tỷ lệ đường khu nhà ở, phủ sóng thông tin.

+ 15 tiêu chuẩn đạt điểm nhưng ở mức thấp gồm: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế; lao động, đất dân dụng, công cộng, giáo dục, chiếu sáng, cấp nước, đất cây xanh, tuyến phố văn minh, không gian công cộng.

+ 15 tiêu chuẩn chưa đạt điểm gồm: công trình văn hóa, thể dục thể thao, đầu mối giao thông, mật độ đường đô thị, thoát nước, các quy chế kiến trúc cảnh quan, công trình tiêu biểu, môi trường.

**Bảng tổng hợp kết quả tính điểm đô thị**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Thang điểm đô thị loại IV		Số điểm đạt
		Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	

I	Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	15,0	20,0	17,25
II	Tiêu chí 2. Quy mô dân số	6,0	8,0	8,00
III	Tiêu chí 3. Mật độ dân số	4,5	6,0	6,00
IV	Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,5	6,0	4,53
V	Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	45,0	60,0	33,39
	<b>Tổng số</b>	<b>75</b>	<b>100</b>	<b>69,17</b>

## 6. Định hướng phát triển đô thị giai đoạn 2017 - 2020

Tập trung nguồn lực xây dựng khu vực phát triển đô thị gồm khu vực xã Mỹ Sơn đạt tiêu chuẩn đô thị loại V vào năm 2018; toàn bộ khu vực huyện Văn Giang đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV trước năm 2020. Trong đó, tập trung xây dựng khu vực trung tâm huyện và các dự án thiết yếu. Xây dựng cơ bản đồng bộ hệ thống hạ tầng khung đô thị để nâng chỉ tiêu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối các khu vực và nâng cao chất lượng phát triển đô thị.

Đối với chỉ tiêu về hệ thống giao thông: Trước mắt xây dựng bến xe theo quy hoạch giao thông của tỉnh, cải tạo chỉnh trang hệ thống giao thông tại khu trung tâm huyện và hoàn thành các dự án giao thông có tính động lực trong huyện.

Đối với chỉ tiêu về hệ thống cấp nước, thoát nước: Nâng công suất của một số trạm cấp nước trên địa bàn huyện. Từng bước cải tạo, chỉnh trang hệ thống thoát nước tại khu vực thị trấn và khu vực đô thị hóa cũ nhằm cải tạo điều kiện dân sinh đô thị.

Đối với các chỉ tiêu về cây xanh, thu gom xử lý chất thải và nhà tang lễ: Xây dựng khu công viên thuộc khu đô thị mới; xây dựng một số điểm cây xanh tập trung nhằm nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị. Tổ chức chặt chẽ, đúng quy định đối với các hoạt động thu gom rác thải, chất thải rắn.

Đối với chỉ tiêu về tuyến phố văn minh: Cải tạo, chỉnh trang các tuyến phố đô thị về kiến trúc cảnh quan, chiếu sáng, vệ sinh môi trường theo hướng nhà nước và nhân dân cùng làm.

Đối với chỉ tiêu về công trình công cộng đô thị: Cải tạo, xây dựng các công trình văn hóa, thể dục thể thao còn thiếu.

Lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết cho các khu vực phát triển đô thị theo chủ trương của tỉnh, làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng. Tập hợp, lập quy chế quản lý đô thị cho khu vực phát triển đô thị huyện Văn Giang, làm cơ sở để quản lý việc đầu tư xây dựng trên địa bàn.

\* Mục tiêu phấn đấu sau khi thực hiện xong các dự án thiết yếu, khu vực huyện Văn Giang đạt 82,01 điểm.

Cụ thể theo bảng sau:

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Thang điểm đô thị loại IV		Số điểm ước đạt đến 2019
		Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	
I	Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	15,0	20,0	17,25
II	Tiêu chí 2. Quy mô dân số	6,0	8,0	8,0
III	Tiêu chí 3. Mật độ dân số	4,5	6,0	6,0
IV	Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,5	6,0	4,53
V	Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	45,0	60,0	46,13
<b>Tổng số</b>		<b>75</b>	<b>100</b>	<b>82,01</b>

## 7. Định hướng phát triển đô thị giai đoạn 2020 - 2030

Tiếp tục thực hiện các dự án thuộc giai đoạn trước, xây dựng đô thị Văn Giang đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

Triển khai đầu tư xây dựng thêm các khu chức năng đô thị phía Đông đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, ưu tiên các dự án xây dựng các tuyến trục chính đô thị liên hệ các cực phát triển theo quy hoạch chung đã được phê duyệt; xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu. Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện các dự án phát triển khu đô thị: Ecopark, Dream City, Xuân Thành Land, Khu đô thị nhà vườn sinh thái trên địa bàn thị trấn Văn Giang ... và phát triển thêm một số khu vực nhằm xây dựng hoàn thiện khung hạ tầng kinh tế - xã hội - kỹ thuật, quản lý xây dựng theo quy hoạch và bảo vệ môi trường cảnh quan đô thị.

Về hạ tầng kinh tế: Tiếp tục đầu tư xây dựng nhằm sớm hoàn thành các khu đô thị, dịch vụ, công nghiệp trong đó ưu tiên khai thác theo chiều sâu các cơ sở đang tiến tới hoạt động ổn định; xây dựng một khu thương mại dịch vụ trung tâm tạo điều kiện xúc tiến thương mại.

Về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội: Xây dựng thêm một số công trình hạ tầng kỹ thuật và tiến hành cải tạo, chỉnh trang giao thông nông thôn, xây dựng các khu cây xanh công cộng nhằm phấn đấu xây dựng huyện Văn Giang có hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hoàn chỉnh.

## 8. Phát triển khu vực Mễ Sở đạt tiêu chuẩn đô thị loại V

### a) Xác định vai trò, tính chất

Đề phù hợp với thực tiễn phát triển và phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển đô thị toàn Tỉnh, khu vực xã Mễ Sở được phát triển sẽ là một khu vực đô thị mang tính đặc thù trong khu vực huyện Văn Giang đến năm 2030.

Khu vực xã Mễ Sở cần được tập trung xây dựng cải tạo nâng cấp, kết hợp với xây dựng mới trên cơ sở đảm bảo tính chất đô thị gắn với dịch vụ nông thôn và nông nghiệp hàng hoá. Đô thị được phát triển trên cơ sở phát huy nguồn lực tại chỗ, phát huy những giá trị bản sắc, hướng đến xây dựng khu vực đô thị và nông thôn mang tính sinh thái cao và có nét đặc trưng.

Việc nâng cấp khu vực xã Mễ Sở đạt tiêu chuẩn đô thị loại V được thực hiện đối với toàn bộ diện tích tự nhiên của xã.

### b) Chỉ tiêu hiện trạng khu vực xã Mễ Sở theo tiêu chuẩn đô thị loại V

Trên cơ sở thực trạng của xã Mễ Sở, đối chiếu so sánh với các chỉ tiêu quy định của đô thị loại V tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị. Kết quả đánh giá, tính điểm đô thị khu vực xã Mễ Sở đạt được 80,95 điểm, cao hơn mức yêu cầu tối thiểu là 5,59 điểm.

**Bảng tổng hợp kết quả tính điểm đô thị**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Thang điểm đô thị loại IV		Số điểm đạt
		Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	
I	Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	15,0	20,0	18,0
II	Tiêu chí 2. Quy mô dân số	6,0	8,0	6,35
III	Tiêu chí 3. Mật độ dân số	4,5	6,0	6,0
IV	Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,5	6,0	4,6
V	Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	45,0	60,0	46
	<b>Tổng số</b>	<b>75</b>	<b>100</b>	<b>80,95</b>

### c) Các dự án phát triển đô thị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Theo kết quả chấm điểm theo tiêu chí đô thị loại V, khu vực Mễ Sở đủ điểm đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

Tuy vậy, việc phát triển đô thị cần đảm bảo mục tiêu quan trọng là nâng cao chất lượng đô thị để phục vụ cho sản xuất và đời sống. Khu vực phát triển đô thị Mễ Sở tuy cơ bản đạt chuẩn để công nhận đô thị nhưng vẫn rất cần thiết

thực hiện một số dự án về hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang cải tạo kiến trúc cảnh quan, xây dựng các công trình như công viên, vườn hoa cây xanh làm thay đổi hình ảnh và bộ mặt đô thị, cụ thể như sau:

Các chương trình, dự án xây dựng đến năm 2020 tại khu vực xã Mỹ Sở

TT	Chương trình, dự án	Tổng kinh phí (tỷ đồng)	Kế hoạch triển khai				Phương án vốn
			2017	2018	2019	2020	
	<b>Tổng</b>	<b>50</b>	<b>10</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	
1	Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong các khu dân cư	25	x	x	x	x	NS
2	Dự án trường mầm non xã Mỹ Sở	10	x	x			NS
3	Cải tạo nâng cấp trường cấp 1, 2 xã Mỹ Sở	10		x	x	x	NS
4	Xây dựng khu công viên cây xanh rộng 2,5ha	5			x	x	NS

### 9. Lộ trình đầu tư các khu vực phát triển đô thị trên địa bàn huyện

Chương trình phát triển huyện Văn Giang được chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 từ năm 2017-2020 và giai đoạn 2 từ năm 2020-2030. Việc lựa chọn quy mô khu vực phát triển đô thị nhằm đáp ứng xu thế đô thị hóa, tốc độ xây dựng đô thị hiện đại và đảm bảo các khu vực này phát triển bền vững. Khu vực phát triển đô thị phải đảm bảo các tiêu chí:

+ Gồm các khu vực đã và đang đô thị hóa, các khu vực có tiềm năng phát triển đô thị, là các khu có tỷ trọng kinh tế phi nông nghiệp, lao động phi nông nghiệp >50%. Cơ sở hạ tầng, hình thái cư trú đã chuyển sang hình thái đô thị.

+ Gồm các khu có tiềm năng phát triển nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển đô thị trong toàn huyện.

+ Gồm các khu vực có đất dự trữ cho phát triển đô thị theo quy hoạch chung.

Trên cơ sở những tiêu chí trên, đề xuất lựa chọn khu vực phát triển đô thị của huyện Văn Giang gồm thị trấn Văn Giang và 05 xã: Xuân Quan, Phụng Công, Cửu Cao, Long Hưng và Nghĩa Trụ với tổng diện tích phát triển đô thị khoảng 3.804,6ha.

Giai đoạn đầu, ưu tiên phát triển khu vực phía Tây đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng có diện tích khoảng 2.709,3ha (gồm thị trấn Văn Giang, xã Xuân Quan, xã Phụng Công, một phần xã Cửu Cao và một phần xã Long Hưng). Trong giai đoạn này, tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội xã Mỹ Sở đạt tiêu chí đô thị loại V.

## **10. Danh mục các dự án theo từng giai đoạn**

### **a) Giai đoạn 2017 - 2020 (phụ lục 1)**

Ngoài các dự án thiết yếu nhằm đạt tiêu chí đô thị loại IV, việc phát triển đô thị đến năm 2020 còn cần thực hiện các dự án hạ tầng khung cho dài hạn, kể cả việc phân đấu đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

Các dự án được thực hiện trên địa bàn toàn đô thị, trong đó phần lớn thực hiện ở khu vực nội thị; đặc biệt trọng điểm thực hiện ở khu vực phía Tây đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (gồm thị trấn Văn Giang, xã Xuân Quan, xã Phụng Công, một phần xã Cửu Cao, một phần xã Long Hưng).

### **b) Giai đoạn 2020 - 2030 (phụ lục 2)**

Tiếp tục thực hiện hoàn thành các dự án thuộc giai đoạn trước; thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo chiều sâu trong đó hoàn thành các tuyến đường giao thông đối ngoại, lấp đầy các dự án phát triển khu đô thị đã có hiệu lực thi hành, phát triển một số khu điểm có điều kiện phát triển mới nhằm xây dựng hoàn thiện khung hạ tầng kinh tế - xã hội - kỹ thuật theo tiêu chí đô thị loại III.

Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng và lấp đầy các khu dịch vụ, công nghiệp, trong đó ưu tiên khai thác theo chiều sâu các cơ sở đang tiến tới hoạt động ổn định; xây dựng cơ sở của ngành nông nghiệp, đồng thời xây dựng một khu thương mại dịch vụ trung tâm tạo điều kiện xúc tiến thương mại.

## **11. Khu vực phát triển đô thị ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu (phụ lục 3)**

Khu vực ưu tiên phát triển đô thị huyện Văn Giang với mục tiêu đạt tiêu chí đô thị loại IV trong giai đoạn 2017-2020 bao gồm 02 khu vực:

Khu vực 1: Là khu vực phía Tây đường cao tốc Hà Nội-Hải Phòng có diện tích khoảng 2.709,3ha. Bao gồm: thị trấn Văn Giang, xã Xuân Quan, xã Phụng Công, một phần xã Cửu Cao và một phần xã Long Hưng.

Khu vực 2: Là toàn bộ xã Mỹ Sở có diện tích khoảng 667,01ha, tập trung đầu tư xây dựng đạt tiêu chí đô thị loại V.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai các nội dung, kế hoạch của Chương trình phát triển đô thị huyện Văn Giang, triển khai thực hiện các dự án hạ tầng sử dụng nguồn vốn địa phương trong từng lĩnh vực dưới sự phân công, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các Sở, ngành liên quan chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang tổ chức thực hiện theo thẩm quyền đối với các chương trình, dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo; bố trí nguồn vốn đầu tư để thực hiện và triển khai các dự án hạ tầng khung cấp tỉnh được xác định trong Chương trình trên địa bàn huyện Văn Giang.



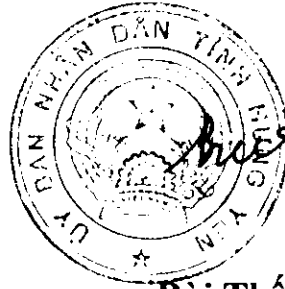
Chương trình phát triển đô thị được phê duyệt là cơ sở để thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển đô thị Văn Giang, lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị, lập kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị và xây dựng kế hoạch huy động vốn đầu tư phát triển đô thị cho toàn huyện Văn Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công ty Điện lực Hưng Yên; Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Văn Giang và thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *A*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: Văn thư, KT1<sup>D</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Bùi Thế Cử*  
**Bùi Thế Cử**

**Phụ lục 1**  
**Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu đến năm 2019**  
(Kèm theo Quyết định số *549*/QĐ-UBND ngày *08/02/2018* của UBND tỉnh)

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Điểm đạt/điểm tối đa	Dự án, chương trình thiết yếu để thêm điểm cho đô thị	Chỉ tiêu đạt thêm sau khi thực hiện dự án
I	Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	17,25/20	Không	0
II	Tiêu chí 2. Quy mô dân số	8/8	Không	0
III	Tiêu chí 3. Mật độ dân số	6/6	Không	0
IV	Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,53/6	Không	0
V	Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	46,13/60		12,74
5.1	Khu vực nội thị	37,63/48		12,74
5.1.1	Hạ tầng xã hội	9,3/10		2,24
a	Các tiêu chuẩn về nhà ở	1,8/2		0
-	Diện tích sàn nhà ở bình quân (m <sup>2</sup> /sàn/người)	0,8/1	Không	
-	Tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố (%)	1/1	Không	
b	Các tiêu chuẩn về công trình công cộng cấp đô thị	7,5/8		2,24
-	Đất dân dụng (m <sup>2</sup> /người)	0,75/1	Không	
-	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (m <sup>2</sup> /người)	1/1	Bổ trí thêm đất dịch vụ, công cộng đô thị.	0,24
-	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở (m <sup>2</sup> /người)	1/1	Không	
-	Cơ sở y tế cấp đô thị (giường/1.000 dân)	1/1	Không	
-	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	1/1	Hoàn chỉnh các dự án Trường học hiện có	0,25
-	Công trình văn hóa cấp đô thị (công trình)	1/1	- Xây dựng nhà văn hóa Huyện, - Cải tạo, xây dựng lại 3 công trình nhà Văn hoá thành nhà văn hóa khu vực đô thị. - Xây dựng Bảo tàng và thư viện Huyện	1,0
-	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị (công trình)	0,75/1	Xây dựng sân vận động trung tâm Huyện 3.000 khán giả và trung tâm thể thao của huyện Văn Giang.	0,75
-	Công trình thương mại - dịch vụ cấp đô thị (công trình)	1/1	Không	

<b>5.1.2</b>	<b>Các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>11,57/14</b>		<b>2,76</b>
<b>a</b>	<b>Các tiêu chuẩn về giao thông</b>	<b>5,0/6</b>		<b>2,25</b>
-	Đầu mối giao thông (cảng hàng không - sân bay, ga đường sắt, cảng đường thủy, bến xe ô tô)	2,0/2	Xây dựng bến xe Văn Giang cấp vùng tỉnh	2,0
-	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (%)	1/1	Không	
-	Mật độ đường trong đô thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5m$ ) ( $km/km^2$ ) (Tính cho khu vực xây dựng đô thị của nội thị dự kiến)	0/1	Chi lập dự án để cải tạo điều kiện dân sinh (chưa có thêm điểm)	
-	Diện tích đất giao thông/dân số ( $m^2/người$ )	1/1	Không	
-	Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng (%)	1/1	Tổ chức hệ thống xe buýt, taxi đảm bảo tỷ lệ phục vụ hành khách công cộng đảm bảo đạt 5%	0,25
<b>b</b>	<b>Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng</b>	<b>3,0/3</b>		<b>0,26</b>
-	Cấp điện sinh hoạt trong đô thị ( $kwh/người/năm$ )	1/1	Không	
-	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	1,0/1	Cải tạo nâng cấp hệ thống chiếu sáng một số tuyến đường chính đô thị	0,24
-	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng (%)	1,0/1	- Kịch bản toàn hệ thống cho tốt hơn.	0,02
<b>c</b>	<b>Các tiêu chuẩn về cấp nước</b>	<b>1,76/3</b>		<b>0,25</b>
-	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực đô thị ( $lít/người/ngày đêm$ )	1/1	Tăng công suất các nhà máy cấp nước hiện trạng $1600 m^3/ng.đ$ lên $7200m^3/ng.đ$ , đảm bảo cấp nước cho 80% dân số đô thị với tiêu chuẩn $120 lít/người/ngày đêm$	0,25
-	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh (%)	0,76/2	Chi lập dự án để cải tạo điều kiện dân sinh (chưa được thêm điểm)	
<b>d</b>	<b>Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông</b>	<b>1,81/2</b>		<b>0</b>
-	Số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động) (số thuê bao internet/100dân)	1/1	Không	
-	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số (%)	0,81/1	Không	
<b>5.1.3</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường</b>	<b>10,76/14</b>		<b>4,75</b>
<b>a</b>	<b>Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng</b>	<b>2,5/3</b>		<b>1,75</b>
-	Mật độ đường công thoát nước chính ( $km/km^2$ )	1,5/2	Lập dự án xây dựng đường cống thoát nước chính	1,5

-	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng (%)	1/1	Thực hiện gắn với dự án xây dựng đường cống thoát nước chính	0,25
<b>b</b>	<b>Các tiêu chuẩn về thu gom xử lý chất thải, nước thải</b>	<b>4/5</b>		<b>2,25</b>
-	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy (%)	1/1	Thực hiện công tác xử lý, tiêu hủy, chôn lấp chất thải rắn	1,0
-	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	0/1	Không	
-	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom (%)	1/1	Thực hiện công tác thu gom chất thải rắn hiệu quả hơn	0,25
-	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, chế biến rác (%)	1/1	Không	1,0
-	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy (%)	1/1	Không	
<b>c</b>	<b>Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ</b>	<b>0,75/2</b>		<b>0,75</b>
-	Nhà tang lễ (cơ sở)	0/1	Không	
-	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)	0,75/1	Không	0,75
<b>d</b>	<b>Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị</b>	<b>3,51/4</b>		<b>0</b>
-	Đất cây xanh toàn đô thị (m <sup>2</sup> /người)	1,51/2	Quy hoạch hoàn thiện hệ thống cây xanh đô thị đảm bảo tối thiểu 7m <sup>2</sup> /người.	
-	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành nội thị (m <sup>2</sup> /người)	2/2	Không	
<b>5.1.</b>	<b>Các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị</b>	<b>6/10</b>		<b>2,99</b>
<b>4</b>				
-	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	2/2	Tập hợp, lập và thực hiện quy chế quản lý đô thị trong toàn khu vực nội thị	2,0
-	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên trục phố chính (%)	2/2	Xây dựng cải tạo một số tuyến đường trung tâm đô thị đã có dự án đảm bảo đạt 40%	0,49
-	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị (Dự án)	0/2	Không	
-	Số lượng không gian công cộng của đô thị (Khu)	2/2	Xây dựng 1 không gian sinh hoạt công cộng (sân sinh hoạt đa năng, quảng trường vv)	0,5
-	Công trình tiêu biểu (Cấp)	0/2	Không	
<b>5.2</b>	<b>Khu vực ngoại thị</b>	<b>8,5/12</b>	<b>Không</b>	<b>0</b>
*	<b>Tổng điểm sau khi hoàn thành các dự án</b>	<b>82,01</b>		<b>12,74</b>

**Phụ lục 2**  
**Bảng tổng hợp các dự án thiết yếu và hạ tầng khung giai đoạn 2017 – 2020**  
(Kèm theo Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh)

TT	Chương trình, dự án	Đơn vị tính	Quy mô	Tổng kinh phí (tỷ đồng)	Kế hoạch triển khai				Phương án vốn
					2017	2018	2019	2020	
	<b>Tổng</b>			<b>1731,8</b>	<b>459</b>	<b>1071</b>	<b>201,5</b>	<b>0,3</b>	
<b>I</b>	<b>Các dự án thiết yếu</b>			<b>361,8</b>	<b>124</b>	<b>216</b>	<b>21,5</b>	<b>0,3</b>	
*	Các dự án đầu tư xây dựng			349	119	210	20	0	
1	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng, cảnh quan khu Trung tâm Huyện (35% Tổng diện tích)	ha	10,5	45	x	x			XH
2	Cải tạo, xây dựng lại 2 công trình nhà Văn hoá xã thành nhà văn hóa khu vực đô thị.	m2 sàn	1500	30	x	x			NS
3	Xây dựng bảo tàng và thư viện Huyện	m2 sàn	1800	5			x		NS
4	Xây dựng khu trung tâm thể dục thể thao Huyện	ha	10	35	x	x	x		XH
5	Cải tạo hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn các khu dân cư cũ			75	x	x			NS
6	Cải tạo hệ thống thoát nước trong các khu dân cư cũ đô thị hóa			75	x	x			NS
7	Dự án cải tạo hệ thống chiếu sáng trong các khu dân cư cũ đô thị hóa			70	x	x			NS

8	Dự án nâng cao hiệu quả thu gom chất thải rắn trong khu vực phát triển đô thị			9			x		XH
*	Quy hoạch, chương trình, dự án			7,8	5	1	1,5	0,3	
9	Lập đề án đề nghị công nhận KV phát triển đô thị huyện VG đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV			2		x	x		NS
10	Tập hợp, lập quy chế quản lý đô thị trong toàn khu vực phát triển đô thị huyện Văn Giang			0,8		x	x	x	NS
11	Quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết cho các khu vực phát triển đô thị theo chủ trương của Tỉnh	ha	1757,3	5	x				NS
12	Quy hoạch đô thị trung tâm Văn Giang	ha	735	5		x			XH
<b>II</b>	<b>Dự án hạ tầng khung</b>			<b>1375</b>	<b>335</b>	<b>860</b>	<b>180</b>	<b>0</b>	
1	Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực trung tâm Huyện hiện hữu	ha	60	200	x	x	x		XH
2	Xây dựng khu trung tâm hành chính Huyện Văn Giang, thuộc khu đô thị trung tâm Văn Giang)	ha	26,5	300	x	x	x		XH
3	Khu ở mới Cầu Ván	ha	8,1	80	x				XH

4	Khu dịch vụ Chiêm Mai	ha	8	80	x	x			XH
5	Khu dịch vụ Đầm Lau	ha	7,6	80	x	x			XH
6	Khu dân cư mới Thị Trấn Văn Giang	ha	4,3	40	x				XH
7	Khu tái định cư Thị Trấn Văn Giang	ha	1	10	x				XH
8	Khu nhà ở dịch vụ liền kề xã Phụng Công	ha	23,5	220	x				XH
9	Xây dựng bến xe Văn Giang đạt cấp tiêu vùng	ha	1,5	10	x	x			XH
10	Xây dựng hệ thống cây xanh đô thị theo các quy hoạch và dự án	ha	15	55	x	x	x		XH

Ghi chú: NS - Phương án vốn từ nguồn ngân sách: 271,8 tỷ đồng, chiếm 15,42%

DN- Phương án vốn từ doanh nghiệp đầu tư: 300 tỷ đồng, chiếm 17,27%

XH - Phương án vốn huy động từ xã hội hóa đầu tư khác (bao gồm cả vốn huy động trong nhân dân): 1160 tỷ đồng, chiếm 67,31%.

### Phụ lục 3

#### Bảng tổng hợp các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu (Kèm theo Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của UBND tỉnh)

TT	Chương trình, dự án	Đơn vị tính	Quy mô	Tổng kinh phí (tỷ đồng)	Kế hoạch triển khai					Phương án vốn
					2016	2017	2018	2019	2020	
				565,2	50	100	100	100	2152	
1	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng, cảnh quan khu Trung tâm Huyện (đạt khoảng 35% Tổng diện tích)	ha	10,5	50,0		x	x			XH
2	Cải tạo, xây dựng lại 2 công trình nhà Văn hoá xã thành nhà văn hóa khu vực đô thị.	m2 sàn	1500	40,0	x	x				NS
5	Xây dựng thư viện Huyện	m2 sàn	1800	5,0		x	x	x		NS
6	Xây dựng khu trung tâm thể dục thể thao Huyện	ha	17,2		x	x	x	x		XH
7	Xây dựng các tuyến đường thuộc khu trung tâm huyện phía Nam thị trấn Văn Giang. (phía Nam đường vành đai 3,5)	km	6,85	120,0		x	x	x		XH
8	Cải tạo hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn các khu dân cư cũ			90,0		x	x			NS
9	Cải tạo hệ thống thoát nước trong các khu dân cư cũ đô thị hóa			90,0		x	x			NS
10	Dự án cải tạo hệ thống chiếu sáng trong các khu dân cư cũ đô thị hóa			90,0		x	x			NS
11	Dự án phát triển mạng viễn thông	máy	4200	8,4		x	x			DN
12	Xây dựng hệ thống cây xanh đô thị theo các quy hoạch và dự án	ha	15	60,0		x	x	x		XH
13	Dự án nâng cao hiệu quả thu gom chất thải rắn trong khu vực phát triển đô thị			9,0			x	x		XH



14	Dự án phát triển hạ tầng khu vực Mễ Sở để đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.	-	-	-	x	x	x	x		NS
15	Lập đề án đề nghị công nhận KV phát triển đô thị huyện VG đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV			2,0					X	NS
16	Tập hợp, lập quy chế quản lý đô thị trong toàn khu vực phát triển đô thị huyện Văn Giang			0,8		x	x	x		NS